

392.509 597

ĐC

H 454 NH

âm Nhân

Hôn nhân và gia đình của người Chơ-ro

truyền thống và biến đổi



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

**HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
CỦA NGƯỜI CHƠ - RO
TRUYỀN THỐNG VÀ BIẾN ĐỔI**

LÂM NHÂN

**HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
CỦA NGƯỜI CHƠ - RO
TRUYỀN THỐNG VÀ BIẾN ĐỔI**

**THU VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
HÀ NỘI - 2010**

LỜI NÓI ĐẦU

Dân tộc Chơ-ro có dân số hơn 20.000 người. Đồng bào cư trú chủ yếu ở các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu... Họ còn có các tên gọi khác là Châu-ro, J'so, Dơ-ro. Tiếng Chơ-ro thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme, gần với tiếng Mạ, Xtiêng.

Đồng Nai là một trong những tỉnh có đông người Chơ-ro cư trú. Trong quá trình định cư, chung sống và phát triển với các dân tộc tại địa bàn, người Chơ-ro đã xác lập cho mình một diện mạo kinh tế - văn hoá - xã hội khá rõ nét. Trong cộng đồng 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam, người Chơ-ro là một phần của sự thống nhất khối đại đoàn kết dân tộc, cùng các dân tộc hội tụ và giao lưu văn hoá để tìm ra mẫu số chung là ổn định và phát triển cộng đồng của mình, góp phần duy trì và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam. Người Chơ-ro là một tộc người có bản sắc văn hoá, trong đó vấn đề hôn nhân và gia đình thể hiện những đặc trưng văn hoá riêng biệt của dân tộc này.

Hôn nhân và gia đình có mối quan hệ biện chứng, gắn liền với không gian văn hoá tộc người, góp phần làm

nền bản sắc văn hoá tộc người. Trong lịch sử xã hội loài người, hình thái hôn nhân phản ánh quá trình phát triển xã hội. Chính vì vậy, tìm hiểu về hôn nhân và gia đình truyền thống của người Chơ-ro là góp phần làm phong phú thêm bức tranh văn hoá của các dân tộc Việt Nam.

Như chúng tôi đã nói, Đồng Nai là một trong những tỉnh có đồng người Chơ-ro cư trú. Vậy nên, trong phạm vi cuốn sách này, chúng tôi xin được tập trung giới thiệu về hôn nhân và gia đình của người Chơ-ro ở Đồng Nai. Chúng tôi mong muốn qua việc tìm hiểu những giá trị văn hoá truyền thống, phân tích những yếu tố tác động đến sự biến đổi trong hôn nhân và gia đình của người Chơ-ro sẽ góp phần nhỏ bé của mình vào việc gìn giữ bản sắc văn hoá người Chơ-ro, giúp cho các thế hệ sau có thêm những hiểu biết về văn hoá của dân tộc mình.

Dù đã có nhiều cố gắng nhưng chắc chắn cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp, xây dựng của bạn đọc.

Xin chân thành cảm ơn.

TÁC GIẢ

Chương I

KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI CHƠ-RO Ở TỈNH ĐỒNG NAI

I. MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ

1. Môi trường tự nhiên

a. Vị trí địa lý:

Đồng Nai là tỉnh thuộc miền đông Nam Bộ, với diện tích 5.894,7 km², chiếm 1,76% diện tích tự nhiên cả nước và 25,5 % diện tích vùng Đông Nam Bộ. Phía đông giáp tỉnh Bình Thuận, đông bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, tây bắc giáp tỉnh Bình Dương, Bình Phước, nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tây giáp thành phố Hồ Chí Minh⁽¹⁾.

“Tỉnh Đồng Nai có quyết định thành lập từ năm 1976 trên cơ sở hợp nhất ba tỉnh: Biên Hoà, Long Khánh và

⁽¹⁾ Trần Văn Bình (chủ biên),(2004), *Văn hoá các dân tộc Tây Nguyên - Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.8.

Phước Tuy, sau năm 1978 có một số lần thay đổi đơn vị hành chính, đến năm 1995 thì ổn định như hiện nay”⁽¹⁾.

Tỉnh Đồng Nai có vị trí quan trọng ở khu vực Đông Nam Bộ và thuận đường giao thông với 6 tỉnh, thành phố: thành phố Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bình Dương, Bình Phước và Bà Rịa - Vũng Tàu. Với hệ thống sông Đồng Nai, là hợp lưu của những nhánh sông La Ngà, sông Bé, sông Sài Gòn thuận đường lên ngược và ra biển, nối liền những cánh đồng phù sa, rừng với biển. Trên sông Đồng Nai có hồ chứa nước và nhà máy thủy điện Trị An. Ở phía Đông Nam có sông Ray từ Xuân Lộc chảy xuống, phía Tây Nam có sông Thị Vải tách ra từ sông Đồng Nai chảy xuống Gành Rái Tây. Từ xa xưa, Đồng Nai là nhịp cầu nối mạch giao lưu kinh tế giữa khu vực Nam Trường Sơn, Trung Bộ và Nam Bộ, là địa bàn hấp dẫn của các lưu dân tứ xứ, là vùng kinh tế trọng điểm của các thể chế và là nơi giao lưu, dung hợp, tiếp biến của nhiều dòng văn hoá⁽²⁾.

Hiện nay, Đồng Nai gồm có 9 huyện (Trảng Bom, Thống Nhất, Long Thành, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú), thị xã Long Khánh

(1). (2) Huỳnh Văn Tới (1998), *Bản sắc dân tộc và văn hóa Đồng Nai*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, tr. 33,34,37.

và thành phố Biên Hòa là trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế của tỉnh.

Người Chơ-ro ở tỉnh Đồng Nai phân bố chủ yếu ở các huyện thị: Long Khánh, Xuân Lộc, Định Quán, Vĩnh Cửu, Long Thành. Đây là các huyện nằm ở vị trí giáp ranh các tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu.

b. Thổ nhưỡng:

Địa hình Đồng Nai là dạng địa hình trung du chuyển từ cao nguyên Nam Trung Bộ đến đồng bằng Nam Bộ, địa hình đồi núi thấp và bình nguyên là chủ yếu liên mạch từ đông bắc xuống tây nam. Nhìn chung, đất Đồng Nai có địa hình tương đối bằng phẳng. Có 82,09 % đất có độ dốc < 8 độ, 92 % có độ dốc < 15 độ, các đất có độ dốc > 15 độ chiếm 8 %.

“Quỹ đất ở Đồng Nai rộng 5.866,4 km². Trong đó, 229.000 hecta đất bazan loại đen hoặc đỏ rất màu mỡ, thích hợp với các loại cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày; 246.000 hecta đất phù sa cổ, đất gley và đất cát ít màu mỡ, hiệu quả làm nông nghiệp thấp”⁽¹⁾.

Người Chơ-ro cư trú chủ yếu ở xã Xuân Bình, Xuân Vinh huyện Long Khánh; xã Xuân Trường, Xuân Phú,

⁽¹⁾ Ban chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (1998), *Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, NXB Đồng Nai, tr. 486.

Xuân Thọ huyện Xuân Lộc; xã Túc Trưng huyện Định Quán; xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu; xã Phước Thái, Phước Bình huyện Long Thành. Đây là những địa bàn vùng đồi núi thấp; đất đỏ bazan, đất xám chiếm tỉ trọng lớn, phù hợp cho việc trồng trọt và chăn nuôi.

c. Khí hậu thủy văn:

Đồng Nai có khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có hai mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa. Nhiệt độ cao quanh năm là điều kiện thích hợp cho phát triển cây trồng nhiệt đới, đặc biệt là cây công nghiệp có giá trị xuất khẩu cao. Nhiệt độ bình quân năm $25 - 26^{\circ}\text{C}$; chênh lệch cao nhất giữa tháng nóng nhất với tháng lạnh nhất là $4,2^{\circ}\text{C}$. Số giờ nắng trung bình 5 - 9 và 6 - 8 giờ/ngày. Lượng mưa theo vùng và theo vụ từ 1500 - 2700 mm⁽¹⁾.

d. Động - thực vật:

Rừng tự nhiên là một thế mạnh của Đồng Nai, nhưng qua nhiều năm chiến tranh rừng đã bị huỷ hoại và khai thác suy kiệt. Hiện rừng ở Đồng Nai còn 170.000 hecta có nhiệm vụ cân bằng môi trường sinh thái và phòng hộ đầu nguồn hồ Trị An.

Rừng ở Đồng Nai chiếm diện tích tương đối lớn. Rừng thiên nhiên có nhiều loại khác nhau. Rừng tre, nứa,

⁽¹⁾ Phan Quốc Anh (2006), *Nghĩ lễ vòng đời của người Chăm Ahiêr ở Ninh Thuận*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

trúc, mai, vầu... đa dạng, phong phú. Rừng dầu với nhiều cây gỗ họ dầu. Rừng nguyên sinh như khu vực Nam Cát Tiên với nguồn động thực vật quý hiếm phong phú và đa dạng. Ngoài rừng thiên nhiên, ở Đồng Nai còn có rừng trồng. Đó là rừng cao su, bạch đàn, tràm bông vàng... với quy mô lớn.

Vùng đất Đồng Nai còn thích hợp với nhiều loại cây công nghiệp ngắn ngày như mía đường, bông vải, dâu tằm...; cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê, hồ tiêu, hạt điều...

Với thảm rừng lớn rộng và phong phú như vậy, Đồng Nai cũng là địa phương lưu giữ nhiều loài động vật. Từ các loài thú quý hiếm như: tê giác, hổ, báo, voi, gấu... đến các loài thú thông thường như: hươu, nai, hoẵng, chồn, cheo, cây hương, sóc, lợn rừng, chó sói, voọc, khỉ, vượn, tê tê... Bên cạnh đó, còn có nhiều loại chim, bò sát, ong, bướm...

Đặc điểm nổi bật của môi trường cư trú của người Chơ-ro ở Đồng Nai là khu vực địa hình đồng bằng (như một số xã: Phước Thái, Phước Bình ở huyện Long Thành; Phú Lý ở huyện Vĩnh Cửu) và địa hình đồi núi thấp (như một số xã: Túc Trưng ở huyện Định Quán; Xuân Trường, Xuân Phú, Xuân Thọ ở huyện Xuân Lộc; phường Xuân Vinh, Xuân Bình ở thị xã Long Khánh). Khí hậu ở đây mang tính chất nhiệt đới; giới sinh vật phong phú về chủng

loại và sinh khối, song đến nay phần nào đã bị kiệt quệ, nhiều nơi trở thành rừng cây bụi ít có giá trị kinh tế. Điển hình là một số khu vực sinh sống của người Chơ-ro ở các huyện Xuân Lộc, Định Quán, Vĩnh Cửu.

Môi trường cư trú đã tạo nhiều thuận lợi để người Chơ-ro có khả năng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủ công nghiệp. Người Chơ-ro luôn biết tận dụng những ưu đãi do tự nhiên mang lại. Trong quá trình sinh sống, nhiều tập quán sinh hoạt và sản xuất của người Chơ-ro đã hình thành để thích nghi với môi trường. Dựa theo khí hậu nhiệt đới với 2 mùa, mùa khô và mùa mưa, họ hình thành nông lịch phù hợp với từng loại cây trồng: tháng 3 đốt rẫy, tháng 4 gieo ngô chờ mưa, tháng 5 trồng lúa... Tuy nhiên phương pháp canh tác còn nhiều hạn chế nên hiệu quả sử dụng chưa cao và đôi khi ảnh hưởng không tốt đến cân bằng sinh thái môi trường. Vì vậy, môi trường ở đây nên được đặt trong mối quan hệ với môi trường cả nước, cả tỉnh để có các chính sách kinh tế phù hợp.

Bên cạnh những thuận lợi, môi trường cảnh quan nơi cư trú của người Chơ-ro cũng có những nhược điểm gây khó khăn trong sản xuất và đời sống. Hạn hán, mưa nhiều theo mùa... là những hiện tượng tự nhiên phổ biến, ảnh hưởng xấu đến năng suất và sản phẩm lao động. Thêm vào đó, trình độ kỹ thuật của bà con còn thấp nên đời sống khá bấp bênh. Thời gian sinh trưởng của cây lúa rẫy

khoảng 7 tháng (từ tháng 5 - tháng 11), cộng với thời gian chọn rẫy, đốt rẫy, dọn rẫy và thu hoạch, họ phải tốn mất khoảng 9 đến 10 tháng. Trong một chu kỳ sản xuất nông nghiệp của người Chơ-ro, tuy phải tập trung nhiều nhân lực và thời gian nhưng năng suất không cao. Nếu gặp mưa thuận, gió hòa thì kết quả thu được cũng chỉ đủ nuôi sống cho gia đình trong một năm. Còn gặp thời tiết xấu, sâu bệnh, thú rừng phá hoại thì thiếu ăn, phải bổ sung củ chụp (củ mài), củ nân, khoai, sắn..

2. Dân số và phân bố dân cư

“Dân số ở Đồng Nai toàn tỉnh (theo số liệu thống kê năm 2008) là 2.321.487 người⁽¹⁾, có trên 40 dân tộc cùng chung sống. Trong đó người Kinh chiếm 91,5%, các dân tộc thiểu số và người Hoa chiếm 8,5%. Thiên chúa giáo và Phật giáo là hai tôn giáo chính, chiếm gần 60% dân số”⁽²⁾.

Đồng Nai có 171 xã, phường, thị trấn; phân bố dân cư ở Đồng Nai không đồng đều giữa các huyện. Trong 30 năm qua, dân số tăng nhanh chóng ở khu vực đô thị và tăng rất chậm ở khu vực nông thôn, miền núi. Mật độ dân số ở Đồng Nai năm 1976 là 157 người/km²; năm 1985 là 226 người/km², năm 2004 là 376 người/km², năm 2006

⁽¹⁾ Cục thống kê Đồng Nai (2008), *Niên giám thống kê*, Đồng Nai, tr. 27.

⁽²⁾ Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2005), *Đồng Nai 30 năm xây dựng và phát triển*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, tr. 88-90.

là 381 người/km², năm 2008 là 393,21 người/km². Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của toàn tỉnh năm 2006 là 10,81%⁽¹⁾. Từ năm 1975 đến nay, dân số ở Đồng Nai tăng thêm 1.256.847 người, là tỉnh đông dân thứ 7 sau thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tây, An Giang⁽²⁾.

Các dân tộc thiểu số sống trên khắp các huyện, thị xã, thành phố ở tỉnh Đồng Nai, nhưng tập trung đông ở 3 huyện miền núi và 3 huyện có xã miền núi. Trong đó có 11 xã, 34 ấp thuộc khu vực III; 36 xã, thị trấn thuộc khu vực II; 10 xã, thị trấn thuộc khu vực I.

Người Chơ-ro là một trong những cư dân bản địa, sống lâu đời ở Đồng Nai. Như trên đã đề cập, địa bàn sinh sống của người Chơ-ro chủ yếu ở 5 huyện, thị: Long Khánh (phường Xuân Vinh, phường Xuân Bình), Xuân Lộc (xã Xuân Trường, xã Xuân Phú, xã Xuân Thọ), Định Quán (xã Túc Trung), Vĩnh Cửu (xã Phú Lý), Long Thành (xã Phước Thái, Phước Bình). Theo số liệu của Tổng cục thống kê qua Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, người Chơ-ro ở Việt Nam là 22.567 người, chiếm 0,02% trong tổng số dân cả nước⁽³⁾.

⁽¹⁾ Cục thống kê Đồng Nai (2008), *Niên giám thống kê*, Sđd, tr.28.

⁽²⁾ Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2005), *Đồng Nai 30 năm xây dựng và phát triển*, Sđd, tr. 88-90.

⁽³⁾ Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2000), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999*, NXB Thế giới, Hà Nội, tr.110.

Theo số liệu của Thông tấn xã Việt Nam năm 2006, “người Chơ-ro ở Việt Nam là 26.455 người”⁽¹⁾. Tại tỉnh Đồng Nai, theo thống kê của Ban Dân tộc Tôn giáo của tỉnh năm 2005, người Chơ-ro có 15.145 người, xếp thứ ba sau người Kinh và người Hoa⁽²⁾.

Từ sau năm 1976, các dân tộc bản địa ở Đồng Nai và các dân tộc từ các tỉnh phía Bắc di cư đến đã làm cho cường độ gia tăng dân số tự nhiên và cơ học trở nên đột biến, kéo theo mật độ dân số cũng gia tăng. Chính quyền địa phương đang tiến hành vận động người dân (trong đó có người Chơ-ro) thực hiện một cách có hiệu quả vấn đề sinh đẻ có kế hoạch.

Người Chơ-ro sống tập trung trong từng ấp, tuy nhiên trên địa bàn cư trú, người Chơ-ro xen cư với nhiều dân tộc khác, như: Việt, Hoa, Khơ-me, Mạ, Xtiêng, Cơ-ho, Chăm, Tày, Nùng, Mường... Các dân tộc này có trình độ phát triển kinh tế, xã hội không đồng đều nhau. (Ví dụ: Ở ấp Đức Thắng, xã Túc Trưng, huyện Định Quán tỉnh có 1395 khẩu thuộc 286 hộ, trong đó, 85% là người Chơ-ro, 14% người Việt và 1% người Khơ-me).

Trong phạm vi xã, huyện người Chơ-ro sinh sống tập trung, dân số Chơ-ro thường đứng thứ hai sau người Việt,

⁽¹⁾ Thông tấn xã Việt Nam (2006), *Việt Nam hình ảnh cộng đồng 54 dân tộc*, NXB Thông tấn, Hà Nội, tr.38.

⁽²⁾ Báo cáo tổng kết của Ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai. 2005.

như ở xã Túc Trưng huyện Định Quán và xã Xuân Trường huyện Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai. Một số xã huyện khác trong tỉnh, người Chơ-ro sống rải rác, mức độ xen cư của người Chơ-ro so với các dân tộc khác thấp. Ví dụ như ở huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai (115 hộ gia đình người Chơ-ro), huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (114 hộ gia đình người Chơ-ro).

3. Tộc danh và lịch sử tộc người

a. Tộc danh:

Người Chơ-ro ở tỉnh Đồng Nai sống tập trung chủ yếu ở phía Tây Nam và Đông Nam của tỉnh Đồng Nai. Theo sách *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)* “Tên tự gọi của dân tộc là Chrau - Jro, trong đó Chrau có nghĩa là *Người* hay *Nhóm người, Tập đoàn người*, còn Jro là một danh từ riêng chỉ cộng đồng của họ”⁽¹⁾. Theo đó, họ còn được gọi bằng các danh từ có âm gần như vậy: Chơ-ro, Châu ro, Chro, Chrau, Jơ ro, Dơ ro... hay bằng một danh từ phẩm chỉ: người Thượng. Thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, đồng bào còn bị gọi là người Mọi. Trong các tài liệu, sách báo từ sau năm 1975, tộc danh Chơ-ro được sử dụng chính thức. Cũng theo sách *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, “tộc danh Chrau Jro còn gắn liền với tên gọi một

⁽¹⁾ Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học (1984); *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.205.

giống lúa nếp cổ truyền mà đồng bào rất thích gieo trồng: n'hpal Chrau Jro. Người Việt gọi giống lúa này là nếp cái (nếp mẹ)⁽¹⁾”.

b. Lịch sử tộc người:

Người Chơ-ro là lớp cư dân cư trú từ xa xưa ở miền núi Nam Đông Dương, nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme thuộc chi miền núi phía Nam. Tiếng nói của họ gần với tiếng nói của người Mạ, Cơ-ho, Xtiêng, Co, song lượng từ Khơ-me trong tiếng Chơ-ro tương đối nhiều. Trước khi có mặt trên những địa bàn cư trú hiện nay, người Chơ-ro phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi thấp, nằm về phía Đông Nam của tỉnh Đồng Nai.

Dựa trên một số kết quả nghiên cứu khảo cổ học ở Đông Nam Bộ đồng thời liên kết với những dấu vết nhân chủng và ngôn ngữ, tộc người Chơ-ro (cùng với một số tộc người Mạ, Xtiêng...) là hậu duệ của cư dân cổ Môn - Khơ-me và là dân bản địa sinh sống lâu đời ở Đông Nam Bộ ngày nay. Cuộc sống của các cư dân này đã có ít nhiều liên kết chặt chẽ, nhằm quản lý khu vực sinh sống rộng lớn của mình.

Kết quả nghiên cứu cổ nhân học trên các xương sọ tìm thấy trong các di tích mộ táng ở duyên hải đồng bằng miền Tây Nam Bộ có niên đại trước, sau công nguyên vài

⁽¹⁾ Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học (1984); *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Sdd, Hà Nội, tr.205.

ba trăm năm cho thấy: “Đây là sọ của những người thuộc chủng Indonesien có mẫu tầm vóc trung bình nam 1,62m, nữ 1,60m, gần gũi với mẫu người dân tộc ít người hiện nay. Đó là các bộ tộc Xtiêng, Chơ-ro, Châu-mạ, Cơ-ho, được xác định là cư dân bản địa, hậu duệ của chủ nhân vùng đất Đồng Nai xưa”⁽¹⁾.

Theo tài liệu *Hill Tribes of Vietnam, volume 1, Introduction and Overview* (Tạm dịch: *Các tộc người ở Việt Nam, tập 1, Giới thiệu và Tổng quan*), qua 3 lần phân loại các nhóm dân tộc ở Việt Nam, dân tộc Chơ-ro đã được nhìn nhận theo 3 kết luận khác nhau. Trong lần phân loại đầu tiên, năm 1959⁽²⁾, “Việt Nam có 63 tộc người thiểu số (Minority Groups), người Chơ-ro là một nhóm địa phương thuộc dân tộc Mạ”. Ở lần phân loại thứ hai, năm 1973, “Việt Nam có 59 dân tộc (Ethnic Groups), nhưng không thấy xuất hiện tên gọi “Chơ-ro” trong danh sách phân loại”⁽³⁾. Lần phân loại thứ 3 vào năm 1979, “Việt Nam có 54 dân tộc, người Chơ-ro chính thức được liệt kê trong danh sách phân loại này, thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơme”⁽⁴⁾”

Một số người dân cao tuổi ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cho biết: xưa kia, cha ông họ kể lại

⁽¹⁾ Ban chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (1998), *Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, Sđd, tr.62-63.

^{(2), (3), (4)} Thông tấn xã Việt Nam (2006), *Việt Nam hình ảnh cộng đồng 54 dân tộc*, Sđd, Hà Nội, tr.12, 15,17,19.

rằng tổ tiên của người Chơ-ro ở vùng đất thuộc thành phố Biên Hoà ngày nay. Theo già làng và những người dân ở ấp Lý Lịch 2, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai thì địa bàn cư trú xưa kia của người Chơ-ro là khu vực ngã ba Bà Hào huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Một truyền thuyết liên quan đến quá trình tộc người của người Chơ-ro được vợ chồng ông bà Điều Sao (ấp Đồng Xoài, xã Túc Trung, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai) kể lại: “Từ hồi xa xưa, có hai vợ chồng nhà nọ sinh được ba cô con gái. Không may, một thời gian ngắn sau khi sinh con, cả hai vợ chồng cùng mất đi. Ba cô con gái trở thành mồ côi cha mẹ, tự lo kiếm sống qua ngày. Do phải tự lo cho bản thân nên 3 cô con gái lạc nhau, mỗi người đi một nơi, làm ăn sinh sống và xây dựng gia đình, sinh con đẻ cái ở đó. Một người đến Gia Ray, một người đến Bình Lộc và một người ở Túc Trung. Theo tiếng người Chơ-ro, đó là ba vùng Pôprung, Pôptoi và Pôplau”.

Cũng theo ông Điều Sao, người dân Chơ-ro xưa kia không sống tập trung trong ấp và xã như bây giờ. Pôprung được tính từ suối Tambung quay ngược xuống Túc Trung. Pôptoi là khu vực ấp Lý Lịch, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu ngày nay. Pôplau là vùng đất từ Bảo Chánh tới Gia Huỳnh, Trảng Táo. Ở Pôplau có con suối Chọc Lau nằm trên núi Chứa Chân.

Các thế hệ người Chơ-ro xưa kia đã trải qua nhiều biến động lớn, khu vực cư trú thường là nơi tranh chấp triền miên của các tộc người láng giềng. Họ buộc phải di cư liên tục, cuộc sống không ổn định. Qua thời gian sống ở rừng núi, với môi trường ẩm ướt quanh năm, các phương tiện y tế thiếu thốn, phương pháp chữa bệnh lạc hậu... đã làm dân số của người Chơ-ro giảm đi đáng kể. Đặc biệt, từ khi thực dân Pháp xâm lược, lập các đồn điền cao su, người Chơ-ro phải di chuyển địa bàn cư trú vào những vùng rừng núi sâu, cách biệt môi trường giao lưu văn hoá với các tộc người khác. Đời sống kinh tế lệ thuộc nhiều vào các nguồn lợi tự nhiên. Điều kiện lao động vất vả, cộng với dịch bệnh và thú dữ, sự tồn tại của cộng đồng luôn bị đe dọa.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, người Chơ-ro bị dồn vào áp chiến lược, dưới sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền Mỹ - Ngụy. Thanh niên Chơ-ro là nguồn lao động chính trong gia đình bị bắt lính, tải đạn, tải lương thực; địa bàn cư trú ngày càng bị thu hẹp khiến cho cuộc sống trở nên khó khăn hơn, dân số suy giảm nhiều trong giai đoạn này. Mặc dù trải qua những thăng trầm của lịch sử, người Chơ-ro vẫn giữ vững được sức sống tộc người, không ngừng sáng tạo các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể.

II. KINH TẾ

1. Khai thác nguồn lợi tự nhiên

Ngoài thời gian trồng trọt, chăn nuôi và làm các nghề thủ công trong gia đình, người Chơ-ro cũng chú trọng đến việc khai thác các nguồn lợi tự nhiên, như hái lượm, săn bắn, đánh bắt cá, lấy mật ong... Mặc dù chỉ là các hoạt động bổ trợ, nhưng các công việc này giữ vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế của người Chơ-ro.

a. Hái lượm:

Cũng như nhiều dân tộc khác sinh sống ở địa bàn đồi núi, hoạt động hái lượm được đứng ở vị trí số một. Chỉ bằng các công cụ đơn giản như con dao côi, chà gạc, cây gậy, cây thuổng nhỏ..., người Chơ-ro đã thu về nhiều sản phẩm phong phú và đa dạng. Trước hết là các loại củ, quả có nhiều tinh bột để bổ sung cho gạo và ngô đôi khi không đủ dùng trong gia đình. Củ mài (củ chụp), củ nân, khoai lang được tìm kiếm và sử dụng nhiều nhất. Các loại củ này cho sản lượng thu hoạch cao, là sản phẩm bổ dưỡng, có thể đủ ăn cho nhiều gia đình trong một thời gian dài. Bên cạnh đó, các loại rau thực phẩm và gia vị cũng phổ biến. Sản phẩm ở nhóm này có các loại nấm, măng, đọt mây, các loại rau rừng (rau dền, rau bép, rau ngót...), các loại gia vị như lá bột ngọt (loại lá có vị như bột ngọt, được người Chơ-ro dùng khá phổ biến, thay thế bột ngọt)...

b. Săn bắn:

Săn bắn thú đối với người dân Chơ-ro vừa là nguồn vui tiêu khiển, vừa để bảo vệ rẫy và cung cấp thực phẩm cho gia đình và dân làng. Dụng cụ săn bắn chính là ná (*aq*). Ná của người Chơ-ro có cấu tạo chung như ná của các dân tộc khác trong khu vực Trường Sơn Tây Nguyên. Thân ná thường bằng gỗ sơn mây, cánh ná bằng gỗ cây ròi, loại gỗ lõi, không có mắt. Dây ná làm bằng vỏ dây gấm được ve lại cho dày và phết sáp ong. Trên thân ná chạm 7 ô hoa văn đường viền, tượng trưng cho 7 vía của nam giới. Phần gần cuối thân ná trang trí hoa văn. Đầu mũi ná gắn hạt cườm tròn nhỏ, màu đỏ, có ý nghĩa tượng trưng cho cây ná sát thú, thu được nhiều thành phẩm. Toàn cây ná thường được bôi dầu chai và sáp ong để tạo màu đen và độ bóng cho ná. Người Chơ-ro dùng tên có tẩm thuốc độc để săn bắn đối với thú lớn và mỗi loại thú tùy theo lớn nhỏ mà cách tẩm thuốc độc khác nhau. Thuốc độc tẩm vào tên được chế từ các loại vỏ, lá và quả của cây trong rừng.

Quanh năm, những ngày nông nhàn họ tiến hành săn bắn, vào lúc chiều và tối họ bắt đầu săn, bắt, bẫy thú. Người Chơ-ro thường làm các tum nhỏ nấu mình, đặt bên cạnh rẫy và ngồi chờ thú đến rẫy. Mùa săn thường bắt đầu vào mùa khô, các thú vật tập trung ở những khu vực có đồng cỏ, sông suối, ao hồ. Sản phẩm săn được

thường là các loài nai, mễn, voọc, khi, nhím. cheo, heo rừng... Khi săn được các con thú như bò rừng, trâu rừng và các loại thú lớn khác, họ thường tổ chức cúng Thần Rừng (*Yang Bri*) để cảm ơn thần đã cho thực phẩm và mời mọi người trong dòng tộc, dân làng cùng ăn. Mọi người ăn uống, ca hát vui vẻ thể hiện tính cộng đồng, chia sẻ cùng nhau.

Mỗi khi ăn thịt thú săn được, người Chơ-ro thường treo xương hàm các con thú thành dãy trên xà nhà để làm kỷ niệm và cũng là để chứng tỏ thành tích của mình. Khi đến nhà nhau, nếu muốn biết chủ nhà có giỏi săn bắn thì họ nhìn lên mái nhà. Khi người đi săn qua đời, người nhà thường mang tất cả các loại xương thú của người đi săn đó vào rừng đốt bỏ.

c. Đánh bắt cá:

Cách bắt cá của người Chơ-ro đơn giản. Họ lấy lá, quả và vỏ cây vàng nghệ giã nhỏ, trộn với nhau để làm thuốc bắt cá. Hỗn hợp này được thả ở đầu nguồn con suối. Cá sẽ bị nóng và cay mắt, chạy xuống hạ nguồn. Ở đó họ chờ sẵn để bắt. Các ao hồ thì họ thả thuốc xuống, cá bị say, mù mắt sẽ nổi lên trên mặt nước và họ chỉ việc vớt lên. Cách đánh bắt này thường diễn ra vào mùa khô, khi nguồn nước cạn dùng thuốc mới có tác dụng. Bên cạnh đó, người Chơ-ro cũng dùng các loại công cụ đánh

bắt cá như nơm, lợp, lờ, câu và các công cụ tự chế bằng tre nứa.

Ngoài săn bắn và đánh bắt cá, người Chơ-ro xưa kia còn khai thác mật ong rừng. Mùa các loài hoa rừng nở, chờ cho ong vừa chín mật, họ bắt đầu mùa đi lấy mật và tăng ong non. Trước đây, nghề ăn ong của người Chơ-ro phổ biến và mang lại thu nhập cao. Nguồn lợi tự nhiên này rất phong phú. Hầu như các khoảng rừng xung quanh khu vực cư trú của người Chơ-ro có rất nhiều ong, có những tổ lớn chứa đựng hàng chục lít mật và nhiều sáp. Mật ong rừng vừa làm gia vị thay đường, vừa là vị thuốc chữa bệnh có hiệu quả; sáp ong được chế biến thành những cây đèn sáp phục vụ cho những ngày lễ và thắp sáng trong gia đình. Mật khác, mật và sáp ong là mặt hàng được ưa chuộng để trao đổi lấy chiêng, ché, nông cụ và các đồ trang sức.

Bên cạnh nghề ăn ong, khai thác dầu chai cũng là một nghề đặc biệt của người Chơ-ro. Rừng trong phạm vi sinh sống của đồng bào có số lượng cây dầu cao, là nguồn cung cấp nhựa dầu phong phú. Sản phẩm này dùng trao đổi với người Việt để quét bóng nón lá, chét ghe thuyền. Khi nghề đánh cá của các tộc người vùng sông biển phát triển, nhu cầu làm ghe, xuống nhiều, các tộc người ở vùng biển, nhất là người Việt, thường đi lên vùng người Thượng (cách gọi của người Kinh về vùng đồng

bào Chơ-ro) sinh sống để thu mua dầu chai. Loại dầu này trộn với sơ gai chét ghe xuống rất bền.

Ngày nay việc khai thác nguồn lợi tự nhiên bị thu hẹp dần cùng với quá trình thu hẹp của vốn rừng và sự phát triển của xã hội. Song, việc thu hái lâm thổ sản vẫn còn có vị trí quan trọng của nhiều người dân Chơ-ro, hỗ trợ thêm cho kinh tế nông nghiệp và góp phần cải thiện đời sống hàng ngày.

Kinh tế truyền thống của người Chơ-ro chủ yếu là kinh tế nương rẫy. Nguồn sống của người dân chủ yếu dựa vào kết quả mùa màng. Xưa kia, người Chơ-ro khai thác vùng đồi núi nơi cư trú của mình để trồng trọt theo lối du canh du cư, nên cuộc sống nghèo nàn và không ổn định. Sau này họ đã biết biến rẫy thành đất định canh và chuyển phương thức canh tác ruộng khô thành ruộng nước, vì vậy đời sống có phần khá hơn. Cùng với nông nghiệp ruộng nước, nương rẫy, việc làm vườn, chăn nuôi, săn bắt, đánh cá, hái lượm... là những ngành kinh tế phụ, bổ trợ cho kinh tế nương rẫy.

2. Sản xuất

a. Trồng trọt:

Cũng như nhiều dân tộc thiểu số khác ở Tây Nguyên và Đông Nam bộ, người Chơ-ro canh tác nương rẫy theo lối cổ truyền: phát, đốt rồi chọc lỗ bỏ hạt.

Canh tác nương rẫy (chủ yếu là trồng trọt theo lối du canh) đóng vai trò chính yếu trong kinh tế truyền thống của người Chơ-ro. Chính vì vậy, việc khai thác và sở hữu đất đai cho việc trồng trọt vô cùng quan trọng đối với từng gia đình Chơ-ro. Thông thường, trưởng làng hoặc ông đầu nhang là người quyết định địa bàn canh tác của làng hoặc của gia đình. Khu vực đất được lựa chọn phải bằng phẳng, ở gần nguồn nước (gần sông, suối). Người dân Chơ-ro không chỉ dựa vào kinh nghiệm bản thân trong việc chọn đất canh tác mà họ còn tin vào sự hỗ trợ của các thế lực siêu nhiên thông qua những giấc mơ của ông đầu nhang. Gia đình nào tìm được khu đất thích hợp thì chặt một số cây rào xung quanh để đánh dấu và xác nhận đã có chủ sở hữu. Gia đình đến sau sẽ đi tìm mảnh đất khác. Việc chiếm hữu đất canh tác ở các gia đình Chơ-ro thường bị hạn chế về thời gian. Bởi vì, khi mảnh rẫy bỏ hoang thì không thuộc quyền sở hữu của gia đình đó nữa. Gia đình khác có thể đến khai thác. Tuy nhiên, theo phong tục, gia đình mới đến thường mang rượu ịt (một loại rượu như rượu cần của các tộc người ở Tây Nguyên) và thuốc rê đến gia đình sở hữu trước đây của mảnh đất để xin khai phá lại. Ở một số khu đất có thể canh tác thường niên cho việc trồng trọt một số cây ăn quả hay hoa màu thì được coi là sở hữu vĩnh viễn của gia đình và thường được chuyển giao thừa kế. Việc trao đổi,

bán nhượng quyền sở hữu những khu đất này giữa các gia đình hiếm khi xảy ra với người Chơ-ro. Điều này có thể lý giải vì tâm lý ngại ngùng của người dân trong việc trao đổi, buôn bán.

b. Chăn nuôi:

Mặc dù khu vực cư trú của người Chơ-ro có nhiều lợi thế cho việc chăn nuôi, song kinh tế chăn nuôi ở đây không phát triển. Có thể, một trong những nguyên nhân chính là cuộc sống không ổn định và nhu cầu của thị trường trước đây về những mặt hàng này cũng rất hạn chế. Việc chăn nuôi chỉ mang tính tự túc, tự cấp, phục vụ cho các ngày lễ của gia đình, dòng tộc.

Các loại gia súc chăn nuôi chính như: trâu, bò, lợn, dê... Một vài gia đình khá giả nuôi thêm ngựa làm phương tiện di chuyển. Về gia cầm, có gà, vịt, ngan, ngỗng...

Trâu bò được nuôi dùng để lấy sức kéo phục vụ công việc trồng trọt. Người Chơ-ro nuôi bò nhiều hơn nuôi trâu. Ở Đồng Nai, do địa hình đồi núi thấp, người dân dùng sức kéo của bò để tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Đây cũng là loài vật có giá trị dùng để trao đổi lấy các vật dụng quý hiếm như chiêng, ché, làm của hồi môn, phạt vạ... Lợn, dê được nuôi theo cách thả rông. Các con vật này được nuôi nhằm phục vụ trong các nghi lễ của cộng đồng, dòng tộc và gia đình. Gà là loại

gia cầm phổ biến, được nuôi ở các hộ gia đình, là vật cúng tế trong các nghi lễ nhỏ, dùng thiết đãi bạn bè, họ hàng; là vật dùng để trao đổi các nhu yếu phẩm sử dụng thường xuyên trong cuộc sống như muối, gạo, xoong nồi, y phục v.v...

c. Nghề thủ công:

Hai nghề thủ công chính của người Chơ-ro trước đây là đan lát và dệt vải. Tuy nhiên hiện nay, chỉ có nghề đan lát bằng tre mây nứa là phổ biến. Nghề dệt vải bị mai một dần và đến nay đã mất hẳn. Theo nghiên cứu của chúng tôi, việc thất truyền nghề dệt vải có thể do chiến tranh bởi họ phải liên tục di chuyển chỗ ở nên khung dệt vải và các chất liệu khó có thể mang theo cùng với việc trồng trọt cây nguyên liệu trong điều kiện di chuyển nhiều gặp khó khăn. Bên cạnh đó, nghề dệt vải của người Mạ, Chăm và các dân tộc sống xen cư phát triển hơn, người Chơ-ro dễ dàng trao đổi các sản vật để lấy vải vóc và quần áo. Đây cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến việc thất truyền của nghề dệt vải của người Chơ-ro.

Cũng như chăn nuôi, nghề thủ công của người Chơ-ro chỉ mang tính bổ sung, phục vụ một số nhu cầu về sản xuất và sinh hoạt gia đình. Vì vậy hoạt động này theo vụ mùa và phụ thuộc vào năng suất trồng trọt.

Đan lát là nghề thủ công chính của người Chơ-ro.

Tuy nhiên, đây cũng chỉ là nghề phụ trong gia đình, sản xuất theo tính tự túc, tự cấp là chủ yếu. Người thực hiện công việc này là nam giới trong gia đình. Người dân ông Chơ-ro nào cũng biết đan thành thạo. Công việc đan lát có thể tiến hành quanh năm, nhưng thường được tập trung vào những tháng nông nhàn. Nguyên liệu dễ kiếm, là các loại song mây, mây, tre, nứa, lá dứa, lá buông và một vài loại dây rừng khác, được người dân tìm chọn ngay tại các khu rừng quanh khu vực cư trú. Nguyên liệu được chế biến đơn giản, xong cũng rất bài bản. Điển hình như chất liệu mây. Người Chơ-ro khai thác mây sau khi thu hoạch xong lúa vào đầu mùa khô. Mây được chẻ nhỏ, vót nhẵn, treo trên gác bếp để sản phẩm được bền, đỡ mối mọt và tạo màu. Khi cần dùng chỉ việc lấy xuống ngâm nước rồi đan. Kỹ thuật đan đơn giản, thường là kiểu đan nong một, nong đôi. Song, với kích thước của từng nan, khoảng cách giữa các nan và phối hợp các kiểu đan khác nhau trên cùng một sản phẩm đã tạo nét đẹp cho đồ đan của người Chơ-ro. Sản phẩm của họ phong phú về chủng loại và đa dạng về chức năng. Riêng về gùi, có loại gùi dùng để vận chuyển lương thực, loại để đi săn, loại để thu hái rau quả, loại để đựng đồ. Ngoài ra, họ còn có các sản phẩm khác phục vụ cho chăn nuôi (lồng gà, lồng chim...; phục vụ cho săn bắt, đánh bắt cá (nôm, lờ, lợp giò..., các loại bẫy thú); phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày (rổ, rá,

nia, thúng..., đồ đựng y phục, hộp đựng trang sức, tấm trải, chiếu, nôi trẻ em...). Trong các sản phẩm trên, vồng mây là một trong những sản phẩm độc đáo của người Chơ-ro.

Hiện nay, hầu như người Chơ-ro không còn nghề dệt vải truyền thống. Một trong những người duy nhất còn nắm được kỹ thuật là ông Điều Sao và con gái lớn của ông - chị Điều Thị Bích (ấp Đồng Xoài, xã Túc Trưng, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai). Theo ông Điều Sao, người Chơ-ro xưa kia biết trồng bông, nhuộm sợi, dệt vải để may mặc. Nếu như người thực hiện công việc đan lát là nam giới thì việc dệt vải do nữ giới đảm nhiệm. Tuy nhiên, nam giới cũng góp sức vào công việc này qua các công đoạn trồng bông, làm khung dệt, các dụng cụ cán bông, quay sợi, nhuộm sợi... Công cụ dệt và kỹ thuật dệt vải của người Chơ-ro giống như nhiều dân tộc ở Nam Tây Nguyên. Họ dệt bằng tay với bộ dụng cụ gồm nhiều bộ phận rời nhau và chỉ khi dệt chúng mới liên kết với nhau thành một hệ thống, có sự tham gia thường xuyên, trực tiếp của chính người thợ dệt vào hệ thống đó.

Việc nhuộm sợi được tiến hành trước khi dệt. Sợi được chế tác từ quả cây bông và màu tự nhiên bao giờ cũng là màu trắng. Các màu sắc khác: đen, đỏ, xanh, vàng... được tạo ra theo kinh nghiệm của người Chơ-ro.

Cũng như nhiều dân tộc khác, họ có kỹ thuật tạo màu nhuộm từ các sản phẩm trong thiên nhiên.

Người Chơ-ro xưa kia không nhuộm hoa văn và cũng không tạo trang trí bằng cách đắp vải như một số dân tộc thiểu số phía Bắc, mà họ dệt hoa văn. Việc thao tác tạo hoa văn diễn ra ngay từ bước khởi đầu và kéo dài với quá trình dệt. Người dệt sắp xếp trật tự các sợi dài của tấm vải tương lai một cách có chủ ý, nhằm phân bố màu sắc đúng vào vị trí cần thiết: màu đen, màu đỏ, màu trắng hay các màu khác. Sau đó, bằng kỹ thuật gài sợi khéo léo: đan các sợi ngang theo màu sắc đã định để kết hợp với sợi dọc đã giăng cố định, thít sợi ngang cho chặt vào sợi dọc và tấm vải cùng các hoa văn sẽ lần lượt hiện lên. Tùy theo từng sản phẩm (váy, khố, áo, chăn...) mà người dệt tạo hoa văn và bố trí màu cho thích hợp.

Các hoa văn (*panôq*) chính trên vải của người Chơ-ro thường dệt là: *tong yih* (đầu chà gạc), *tong téch* (đường viền), *kinhiah ti* (móng tay), *mat ncau* (mắt cú mèo), *khiya* (khung quay sợi), *ncogatop* (cổ con chim cu), *dicanh* (hoa văn Mạ)...

Ngoài ra, người Chơ-ro còn có nghề rèn, nhưng không phát triển mạnh và phổ biến như một số dân tộc trong vùng. Họ thường trao đổi các sản phẩm nghề rèn bằng nông sản. Sau này, nam giới người Chơ-ro tự

biết chế tạo ra các công cụ lao động cho mình như chà gạc, dao côi, được tận dụng từ những mảnh bom, xác máy bay...

d. Trao đổi, buôn bán:

Hoạt động trao đổi buôn bán của người Chơ-ro từ trước đến nay thường chậm phát triển so với những tộc người khác. Nguyên nhân của hiện trạng này là do nền kinh tế khép kín, mang đậm tính chất tự cung tự cấp. Hoạt động trao đổi chỉ mới xuất hiện trong quá trình giao tiếp với các tộc người lân cận, đặc biệt là người Việt. Các mặt hàng được người dân dùng để trao đổi chủ yếu là các sản phẩm từ tự nhiên như mật ong, sáp ong, thịt rừng khô, dầu chai và các loại lâm sản khác.

Các sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi chỉ đủ cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình, buôn làng nên ít thấy xuất hiện trên thị trường. Nhu cầu trao đổi của người dân đơn giản gồm muối ăn hàng ngày, nông cụ, quần áo, mền đắp... Nhà nào khá giả, nhiều gia súc, gia cầm thì đổi chiêng, ché... Phương thức trao đổi là vật lấy vật. Ví dụ: để lấy một kilôgam muối, họ phải trả một con gà, hoặc một thùng dầu chai... Mặt khác, do thái độ rụt rè, ngại ngùng trong giao tiếp của đồng bào cũng hạn chế nhiều đến quan hệ buôn bán. Hầu hết những người Chơ-ro khi được hỏi về vấn đề này đều cười và trả lời: “Chúng tôi rất ngại bán hàng. Nếu hàng hoá còn dư lại thì xấu hổ lắm”.

Hiện nay, mặc dù người Chơ-ro đã định cư trong các ấp xã, điều kiện giao thông khá hơn, nhu cầu trong cuộc sống hàng ngày cũng cao hơn, nhưng hoạt động trao đổi mua bán vẫn không phát triển nhiều. Trong các ấp, chỉ có một vài hộ gia đình bán rau củ hàng ngày tại chợ ở xã. Thanh niên có thói quen thích đi làm thuê hơn là đi buôn bán.

III. VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Vũ trụ quan, thế giới quan

Người Chơ-ro tin mọi vật đều có linh hồn (vạn vật hữu linh) và tin vào sự chi phối con người của các thần linh. Đó chính là nguyên nhân của các kiêng kỵ và các lễ cúng tế.

Người Chơ-ro quan niệm rằng có hai thế giới tồn tại. Thế giới thứ nhất là cuộc sống của con người, là vạn vật trên trái đất mà họ cảm nhận được. Thế giới thứ hai là thế giới của những lực lượng siêu tự nhiên, của ma quỷ, của các vị thần... Chính thế giới thứ hai mới thiêng liêng và quyết định cuộc sống loài người. Tất cả vạn vật trên trái đất đều có linh hồn.

Bà Bóng là cầu nối giữa con người với các đấng thần linh. Trong một dòng tộc thường có một hoặc hai bà bóng. Người làm nghề thầy bóng chủ yếu là nữ. Bà bóng không phải do cộng đồng, dòng tộc chọn ra mà do cá tính

và những năng lực đặc biệt có ở người đó. Những năng lực này hoặc được phát hiện từ bẩm sinh hoặc được phát hiện trong quá trình trưởng thành của họ.

2. Tín ngưỡng và các nghi lễ liên quan đến nông nghiệp

Ngày nay, nhiều người dân Chơ-ro đã theo các tôn giáo khác như: Thiên chúa giáo, Tin lành. Những người theo đạo này đã bỏ các thủ tục nghi lễ truyền thống như lễ cúng thần lúa, thần rừng... Thay vào đó, họ đi lễ nhà thờ đều đặn vào các ngày cuối tuần.

Hoạt động kinh tế chủ yếu của người Chơ-ro là nông nghiệp với nghề chính là trồng lúa và khai thác nguồn lợi tự nhiên. Phương thức sản xuất thấp, lạc hậu, phụ thuộc vào môi trường tự nhiên nên họ tin vào sự giúp đỡ của thần linh.

Người Chơ-ro có tín ngưỡng đa thần: Thần Lúa (*Yang Va*), Thần Rừng (*Yang Bri*), Thần Suối (*Yang Dal*), Thần Rẫy (*Yang Mir*), Thần Ruộng (*Yang Mơ*)... Trong đó quan trọng nhất là Thần Lúa và Thần Rừng.

+ Lễ hội cúng Thần Lúa (*Óp Yang Va*)

Đây là lễ hội truyền thống được tổ chức hàng năm của người Chơ-ro. Mục đích của lễ hội này là cảm ơn Thần Lúa và cầu mong Thần Lúa phù trợ cho mùa màng được thuận lợi, dư ăn dư dè. Sau khi thu hoạch xong, lúa

được phơi kỹ và cất vào kho, họ tiến hành chặt cây phát cỏ, đốt rẫy để chuẩn bị cho mùa sau. Công việc xong xuôi, nói theo ngôn ngữ của người Chơ-ro: “Lúa bò lên nhà ngủ”, “tay chân đã hết đất” thì họ bắt đầu tiến hành làm lễ.

Lễ hội truyền thống này được tổ chức lần lượt theo từng gia đình trong dòng tộc, thông thường diễn ra vào những ngày có trăng sáng từ rằm tháng 3 âm lịch cho đến đầu tháng 4 âm lịch. Nhưng thông thường lễ hội này chỉ diễn ra từ 15 đến 30 tháng 3 âm lịch. Trước kia, người Chơ-ro ở nhà dài, các tiểu gia đình trong ngôi nhà tổ chức lễ cúng Thần Lúa vào từng thời gian khác nhau, tránh trùng lặp, để mọi người trong dòng tộc, xóm giềng đều đến chung vui với gia đình.

Để chuẩn bị cho ngày vui lớn của gia đình, dòng tộc, trước ngày lễ nhiều tháng, mọi người chuẩn bị các điều kiện vật chất như: làm rượu ịt (*op she*) - một loại rượu giống như rượu cần của các dân tộc ở Tây Nguyên; nuôi gia súc, gia cầm... Lúa cúng thần được trồng riêng hoặc chọn những khoảnh lúa đẹp, đều hạt nhất, họ không gặt mà bó các bông lúa lại để bảo vệ, tránh cho các loại thú vật ăn, đến ngày hành lễ họ mới tổ chức rước lúa về.

Vào ngày hội, nữ giới lo việc xay lúa, giã gạo, làm gà vịt, làm bánh cúng... Một số loại bánh phổ biến trong

lễ hội cúng thần lúa như bánh giày mè đen (*piêng pú*), bánh tét (*piêng chum*), bánh ít, bánh ú... Ở lễ hội này, người Chơ-ro cũng nấu cơm nếp trong ống tre (*piêng đinh*) giống như cơm lam của một số dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc... Nhiệm vụ của nam giới là sửa sang lại kho lúa, làm cây nêu, đi lấy nước, mổ heo, chuẩn bị bàn thờ, sân lễ... Trước đây khi còn ở nhà sàn dài, người Chơ-ro còn có tục đâm trâu như các dân tộc ở Tây Nguyên, phong tục này nay không còn nữa.

Trước ngày làm lễ, chủ nhà mang rượu ít (đã được chiết ra chai), một con gà còn sống, hoặc một quả trứng, một đĩa xôi (tuỳ theo điều kiện gia đình và mối quan hệ) đến nhà bà con, họ hàng, láng giềng biếu và mời đến dự lễ với gia đình. Nếu chủ nhà không đi được hết tất cả các gia đình thì nhờ con trai đi hộ. Khi đến mỗi nhà, người này mở rượu, rót ra ly mời gia chủ và thưa chuyện. Thông thường họ hàng, chòm xóm đến dự đều mang rượu và các hiện vật để tặng cho gia đình lấy may mắn. Những năm gần đây, khi đến dự lễ mọi người thường mang rượu đế và phong bao đựng tiền tặng cho gia chủ.

Giờ hành lễ thường diễn ra trong khoảng thời gian từ 19 giờ cho đến nửa đêm. Đèn sáp ong (*zé ênh*) được thắp sáng. Già làng kiểm tra kỹ lại các thực phẩm cúng, thầy bóng (*Ka tung đăp*) hay còn gọi là thầy cúng mặc trang phục hành lễ, tay cầm chuỗi lục lạc bằng đồng (*hao yong*)

hóp một ngậm rượu trắc rồi phun sương lên trán các thành viên trong gia đình, đọc lời cầu nguyện, đại ý: “Năm nay gia đình tôi đã được các thần giúp đỡ làm ăn thuận lợi, chúng tôi xin cúng trả lễ các thần. Mời thần lúa, thần rừng, thần rẫy, thần sông, thần suối... đến chia vui với gia đình. Cầu xin các thần tiếp tục giúp đỡ để mùa sau chúng tôi được thuận lợi, mùa màng tốt tươi hơn mùa trước. Chúng tôi sẽ cúng trả lễ các thần lớn hơn. Cũng xin các thần giúp đỡ cho các thành viên trong gia đình được mạnh khoẻ, súc vật sinh sôi nảy nở, trâu, bò, heo, gà... đầy sân”. Đối với những gia đình mùa màng không thuận lợi, họ cũng khấn như trên, song không cúng trả lễ bằng lời hứa với các thần vào mùa trước: “Năm ngoái chúng tôi đã hứa cúng trả lễ các thần một con heo, nhưng do mùa màng, nuôi trồng khó khăn, chúng tôi chỉ có con gà trả lễ. Mùa sau nhờ các thần giúp đỡ cho mùa màng thuận lợi, chúng tôi xin cúng trả lễ lớn hơn”.

Sau khi lễ xong là hoạt động sinh hoạt văn hoá cộng đồng. Mọi người mời nhau ăn bánh, uống rượu; dàn nhạc vẫn thay nhau tấu lên trong không khí vui vẻ, hoà đồng. Heo, gà cứ được mổ thêm, rượu được rót thêm, hết ché này lại thay ché khác. Người lớn thì ngồi quây quần, tâm sự ôn lại chuyện xưa, mách cho nhau những vùng rừng mới cần khai thác vào mùa tới. Cuộc chơi này có khi kéo dài hai ba ngày đêm, cho đến khi không còn rượu nữa mới

thời. Tùy theo kinh tế từng gia đình mà cuộc vui này kéo dài hay kết thúc sớm. Thường thì khoảng từ 3 đến 7 ngày.

Ngày nay, do cơ cấu sản xuất thay đổi, người Chơ-ro không còn lối canh tác du canh nữa, họ cũng không còn ở nhà dài cộng đồng. Các gia đình ra ở riêng và hòa vào trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước. Một số nơi của người Chơ-ro không còn cúng Thần Lúa như trước, mà họ hòa nhập vào tập quán sinh hoạt chung của người Việt, bắt đầu làm quen với tết Nguyên Đán. Lễ cúng Thần Lúa của họ thường được tổ chức vào dịp tết Nguyên Đán của người Việt.

+ Lễ hội cúng Thần Rừng (*Óp Yang Bri*)

Người Chơ-ro có tục cúng Thần Rừng vào trước mùa mưa, song không ấn định thời gian cụ thể, có nơi thì 3 năm cúng một lần, có nơi thì 7 năm cúng một lần, cũng có nơi tùy theo tình hình kinh tế của cả dòng tộc, buôn làng mà tổ chức. Nếu như tục cúng Thần Lúa gói gọn trong phạm vi gia đình và thực hiện trong nhà, thì tục cúng Thần Rừng được tổ chức trong phạm vi cộng đồng, do già làng chủ trì và quyết định, tổ chức ngoài trời, dưới khoảng đất rộng dưới bóng gốc cây cổ thụ mà họ cho là linh thiêng, thường là những cây dầu, cây da.

Tục cúng Thần Rừng được thực hiện trong nhiều ngày, nhiều người tham dự, rất tốn kém về thời gian, công

sức cũng như tiền của nên đòi hỏi sự tham gia, đóng góp của cả cộng đồng. Để tổ chức lễ được chu đáo, thông thường người Chơ-ro lập ra một Ban tổ chức lễ hội do một già làng làm chủ trì. Các thành viên là những người cao tuổi có kinh nghiệm, uy tín, vai vế trong làng, dòng tộc. Nhiệm vụ của Ban tổ chức là vận động mọi người trong làng, trong dòng tộc đóng góp tiền bạc, thóc gạo, súc vật... và chịu trách nhiệm về thực hiện các bước nghi lễ.

Trước ngày cúng, thanh niên trong làng phải chuẩn bị một ngôi nhà lễ, trong nhà dựng một bàn thờ chính. Theo tục lệ, cúng thần rừng phải cúng thịt sống; dê, lợn cúng phải để nguyên con bày biện lên bàn thờ để tế thần; các thức cúng khác như rượu, bánh, trái cây được bày xung quanh bàn thờ; các ché rượu và những đồ vật khác của các thành viên trong cộng đồng đóng góp đặt ở dưới bàn thờ.

Thông thường trong các buổi lễ trọng đại như vậy, để tạo không khí vui vẻ và thu hút các thành viên trong làng tham dự, nhất là giới trẻ, người Chơ-ro thường tổ chức phần hội trước và sau đó mới là phần lễ. Mở đầu hội là những trò chơi vận động có ý nghĩa giáo dục truyền thống dân tộc như thi bắn nỏ; thi đi cà kheo qua sông, suối; thi dây cây, kéo dây...

Trong khi ở ngoài tổ chức vui chơi thì trong nhà làm

lễ. Người ta lo bày biện lễ vật, nhận lễ vật của người đem đến cúng, bố trí chỗ ngồi cho dân làng và khách xa đến dự. Già làng kiểm tra lại toàn bộ nghi lễ, vật cúng xem đã đầy đủ, tươi tắn thì mời thầy cúng (thầy bóng) như tục cúng Thần Lúa.

Thầy bóng mặc bộ y phục nhà nghề, tay đeo lục lạc đồng, khăn mời các vị thần linh (Thần Rừng, Thần Sông, Thần Suối...) về chứng giám lòng thành của dân làng. Nội dung khăn đại ý là “hôm nay dân làng làm lễ mời Thần Rừng, Thần Sông, Thần Suối về dự, chứng giám lòng thành của làng. Mong các thần cho dân làng sức khỏe, làm ăn thuận lợi, mùa màng tươi tốt, săn bắn được nhiều thú, nhiều chim, có của dư của dẽ...”. Thường thì chỉ có những người có dầu nhang ở bàn thờ chính của dòng tộc mới được đứng ở bàn thờ chính làm lễ, gọi là “ông dầu nhang” và những người này thường phải góp một chén rượu cúng.

Âm nhạc trong buổi lễ đóng vai trò rất quan trọng góp phần điều khiển nghi lễ. Các nghệ nhân đánh chiêng, công là những người lớn tuổi, có kinh nghiệm, được tập hợp thành một đội chiêng, có tập dượt bài bản chuyên phục vụ cho các cuộc lễ lớn. Chính nhờ có âm nhạc mà cuộc lễ trở nên trang trọng, linh thiêng hơn, nhất là ở ngoài trời trong đêm thanh vắng.

Ngoài mâm cúng chung của cả dân làng, từng gia đình, tùy theo khả năng kinh tế mà họ lập những mâm cúng riêng. Mâm cúng của cộng đồng sau khi kết thúc được phá cỗ dùng chung. Mâm cúng của gia đình được chia đôi, một nửa nhập vào cuộc vui chung, nửa còn lại mang về nhà chung vui với gia đình.

Lễ cúng Thần Rừng được chuẩn bị trong hai ngày, ngày đầu tiên, buổi sáng mọi người chuẩn bị đồ vật làm lễ, tổ chức các trò chơi. Chính lễ được tiến hành vào ban đêm, thường vào lúc 20 giờ ngày hôm trước kéo dài cho đến 12 giờ trưa ngày hôm sau. Sau khi lễ chính kết thúc thì tổ chức ăn uống ở bên ngoài nhà lễ. Bên trong các gia đình có bà bóng, ông thầy bóng lần lượt vào cúng cầu cho gia đình mình làm ăn khấm khá, con cái mạnh khỏe...

Lễ đến 12 giờ trưa hôm sau thì kết thúc. Theo tập tục của người Chơ-ro, người ta kết một chiếc thuyền hoặc chiếc bè làm bằng bẹ chuối, để lên đó các thức cúng và cái đầu con dê, con heo, thả xuống suối tiễn đưa thần linh về, sau đó mọi người về nhà tiếp tục liên hoan. Tùy theo kinh tế của từng nhà, từng dòng tộc mà cuộc vui kết thúc sớm hay muộn. Thông thường hết rượu mọi người mới thôi và tiếp sau đó là chuẩn bị cho công việc làm ăn thường ngày.